TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/KDTM-ST
Ngày: 15 - 6- 2022
V/v tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hà Chí Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2022/TLST – KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng D công, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV Thương mai & Xây dựng B**.

Địa chỉ: Số 161 Quốc lộ 1A, ấp I, thị trấn K, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông **Lộ Dếu C**, sinh năm 1953. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 313E, đường L, KV4, phường M, quận N, Thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền số 07/2020/UQ-HLH ngày 17/7/2020. (Có mặt)

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV Tư vấn & Xây dựng E**.

Địa chỉ: Số 256B1/7 O, phường M, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Thanh G**, sinh năm 1986. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ liên lạc: Nhà nghỉ Minh Sơn, số 534/2, Đường 30/4, phường P, quận N, Thành phố Cần Thơ. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 2/7 đường Q(nay là số 18/7 đường Nguyễn Đệ), Khu vực 5, phường R quận S, Thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, ông Nguyễn Minh D là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại & Xây dựng B (sau đây viết gọn là công ty B), trình bày:* Ông Lộ Dếu C là Giám đốc Công ty B cần lắp đặt đường điện 22KV – TBA 3 x 25KVA cho nhà ở B, thông qua bạn bè quen biết đã giới Dệu Công ty TNHH MTV Tư vấn & Xây dựng E (sau đây viết gọn Công ty E) do ông Huỳnh Thanh G làm Giám đốc. Hai bên đã trao đổi thỏa thuận giao kết hợp đồng qua điện thoại di động rồi thống nhất để Công ty E soạn thảo hợp đồng gửi cho công ty B để ký kết. Hai bên đã ký kết Hợp đồng D công xây lắp số 10/HĐ/XL/2019 ngày 22/10/2019, với nội dung được thể hiện tại Điều 1: Bên A (Công ty B) đồng ý giao cho bên B (công ty E) D công đường dây TT (trung thế) 22KV – TBA (Trạm biến áp) 3 x 25KVA nhà ở B, với giá trị hợp đồng là 300.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là từ 30 đến 50 ngày (không bao gồm ngày lễ, tết), tính từ ngày bên Công ty E nhận được tiền tạm ứng hợp đồng của bên công ty B. Sau khi ký kết hợp đồng xong, ngày 02/11/2019 Công ty E vận chuyển 15 trụ điện (loại bê tông cốt thép, không rõ chiều dài) đến khu nhà ở B để D công. Phía công ty B đã chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho Công ty E thông qua thẻ ATM cho người nhận là ông Nguyễn Đức H 02 lần với số tiền 100.000.000 đồng, cụ thể ngày 24/10/2019 chuyển số tiền 70.000.000 đồng, ngày 25/10/2019 chuyển thêm số tiền 30.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Bạc Liêu (người chuyển khoản tên Nguyễn Thị Lan Anh – là nhân viên công ty B).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty E không thực hiện đúng thời hạn như thỏa thuận nên ngày 05/5/2020 công ty B gửi thư đề nghị thanh lý hợp đồng cho công ty E (thông qua dịch vụ bưu chính) nhưng hết thời hạn 10 ngày mà công ty B không nhận được phản hồi từ công ty E. Do đó, công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty E do ông Lê Thanh G làm Giám đốc và ông Nguyễn Đức H cùng có nghĩa vụ hoàn trả số tiền tạm ứng là 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo mức lãi suất 0,8%/tháng từ ngày 23/6/2020 (ngày công ty E vi phạm hợp đồng) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án cho công ty B. Đồng thờ, yêu cầu Công ty E bồi thường số tiền 15.342.000 đồng là tiền điện mà Công ty B phải chi trả cho khách hàng thuê nhà trong 06 tháng x 2.557.000 đồng/tháng (tính từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2020) và phạt hợp đồng do Công ty E vi phạm hợp đồng số 10 ngày 22/10/2019, tính từ ngày 22/12/2019 đến ngày 22/6/2019 là 06 tháng (tương ứng với 180 ngày), trừ 01 tháng vì dịch Covid – 19, còn lại 05 tháng (mỗi tháng 30 ngày) là 150 ngày x 1.000.000 đồng/tháng = 150.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do không có đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh những Dệt hại nêu trên nên ông Lộ Dếu C là Giám đốc của công ty B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với công ty E về việc yêu cầu công ty E bồi thường số tiền 15.342.000 đồng và phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 150.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Huỳnh Thanh G là Giám đốc công ty E và ông Nguyễn Đức H cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lộ Dếu C là Giám đốc công ty B số tiền đã nhận tạm ứng là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất bằng 0,8%/tháng tính từ ngày 23/6/2020 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn công ty TNHH MTV Tư vấn & Xây dựng E, ông Huỳnh Thanh G trình bày tại Bản tự khai ngày 19/11/2020

(bút lục 48), bản tự khai ngày 18/5/2022: Vào khoảng năm 2019 (không nhớ thời gian chính xác), ông Út Bò có nhờ công ty E do ông G làm Giám đốc ký tên và đóng dấu 01 bảng báo giá và 01 hợp đồng có ký và đóng dấu nhưng bỏ trống tên khách hàng, khi khách hàng đồng ý sẽ đánh máy thay thế phần bỏ trống và giáp lai để báo giá D công gói thầu xây lắp điện cho cho công ty B để ông H và ông Bò đi thỏa thuận nếu đối tác là công ty B đồng ý thì ký hợp đồng chính thức và làm thủ tục tài chính để thực hiện hợp đồng, nhưng phía công ty E không nhận được phản hồi gì từ phía công ty B, ông H và ông Út Bò.

Phía công ty E không D công bất kỳ gói thầu nào cũng như không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ phía công ty B vào tài khoản đã nêu trong hợp đồng (nháp) và đồng thời cũng không có quyết định quyết định hay ủy quyền nào cho ông H hay ông Út Bò để thực hiện giao dịch với công ty B. Khi Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Cần Thơ mời làm việc thì ông G mới biết công ty B làm việc trực tiếp, tổ chức D công và giao dịch tài chính với ông H và ông Út Bò. Đây là giao dịch cá nhân của ông H và ông Bò với công ty B, không liên quan gì đến công ty E nên ông G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H trình bày tại bản tự khai ngày 29/10/2020 (bút lục 45), biên bản hòa giải ngày 19/11/2020 (bút lục 52 – 53), biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022: Trước đây ông H có một người em bà con tên Út Bò (không nhớ rõ họ tên) mượn thẻ ATM và tài khoản Ngân hàng để ông Út Bò nhận tiền gửi từ người khác. Khi nào tiền vào tài khoản thì ông Út Bò rút tiền và trả lại thẻ ATM cho ông H thì liền được ông H đồng ý; sau đó vài ngày thì ông Út Bò trả lại thẻ ATM cho ông H nhưng ông H không hỏi hay kiểm tra tài khoản người gửi cho ông Út Bò là ai, gửi bao nhiêu tiền. Ông H không có quen biết gì với ông Huỳnh Thanh G và không phải là nhân viên của công ty E. Đối với tranh chấp giữa công ty B với công ty E thì ông H không có liên quan nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của công ty B.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, được quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B đối với công ty E về số tiền bồi thường Dệt hại là 15.342.000 đồng, tiền phạt hợp đồng 150.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B yêu cầu công ty E trả lại số tiền 100.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B yêu cầu ông Nguyễn Đức H hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty E trả lại 100.000.000 đồng tiền tạm ứng hợp đồng D công số 10/HĐ/XL/2019 ngày 22/10/2019 và bồi thường Dệt hại hợp đồng. Đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa công ty B với công ty E có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng được các bên ký kết tại ấp I, thị trấn K, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; công ty B lựa chọn Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu giải quyết tranh chấp với công ty E nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Thanh G là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của công ty E, ông Nguyễn Đức H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Trong Hợp đồng D công xây lắp số 10/HĐ/XL/2019 ngày 22/10/2019 có chữ ký tên của ông Huỳnh Thanh G tại mục Giám đốc và đóng dấu của công ty E lên chữ ký của ông G. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 18/5/2022, ông Huỳnh Thanh G thừa nhận có biết và đồng ý cho ông Út Bò và ông H thực hiện thỏa thuận giao kết hợp đồng với công ty B để D công đường điện nhưng không có ký kết hợp đồng chính thức và làm thủ tục tài chính để thực hiện hợp đồng và D công gói thầu nào với công ty B. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định việc ký kết hợp đồng D công số 10/HĐ/XL/2019 ngày 22/10/2019 giữa các bên là có diễn ra trên thực tế. Tuy nhiên, phía công ty B xác định người trực tiếp giao kết, thỏa thuận D công theo hợp đồng D công số 10/HĐ/XL/2019 ngày 22/10/2019 không phải là ông G mà là ông Út Bò và ông Nguyễn Đức H; đồng thời khi chuyển 100.000.000 đồng tiền tạm ứng hợp đồng cho công ty E thì phía công ty B không chuyển vào số tài khoản của công ty E được ghi trong hợp đồng mà chuyển tiền vào số tài khoản của ông Nguyễn Đức H theo yêu cầu của ông Út Bò. Trong khi đó, phía công ty E không thừa nhận ông Út Bò và ông Nguyễn Đức H là nhân viên của công ty E và cũng không có ủy quyền cho ông H và ông Bò thực hiện việc nhận tiền của công ty B, nhưng công ty B 02 lần chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Nguyễn Đức H thì công ty E không hay biết, phía công ty B không chứng minh được việc chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho ông H là để tạm ứng hợp đồng số 10/HĐ/XL/2019 ngày 22/10/2019 với công ty E nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty B buộc công ty E do ông Huỳnh Thanh G làm người đại diện hợp pháp trả lại số tiền tạm ứng hợp đồng là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 23/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất bằng 0,8%/tháng bằng số tiền 18.986.666 đồng và tiền lãi chậm trả trong gia đoạn D hành án.

[4] Tại phiên tòa, công ty B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với công ty E về việc yêu cầu công ty E bồi thường Dệt hại tiền điện mà Công ty B phải chi trả cho khách hàng thuê nhà trong 06 tháng x 2.557.000 đồng/tháng = 15.342.000 đồng (tính từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2020) và phạt hợp đồng do Công ty E vi phạm hợp đồng số 10 ngày 22/10/2019, tính từ ngày 22/12/2019 đến ngày 22/6/2019 là 06 tháng (tương

ứng với 180 ngày), trừ 01 tháng vì dịch Covid – 19, còn lại 05 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 150.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của công ty B và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B đối với số tiền nêu trên.

[5] Công ty B yêu cầu ông Nguyễn Đức H cùng có nghĩa vụ với công ty E hoàn trả số tiền tạm ứng hợp đồng là 100.000.000 đồng cho công ty B do ông Nguyễn Đức H là người trực tiếp 02 lần nhận số tiền 100.000.000 đồng của công ty B chuyển vào số tài khoản của ông Nguyễn Đức H tại Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Bạc Liêu thông qua số tài thẻ 0103940770 vào ngày 20/10/2020 nhận 30.000.000 đồng, ngày 24/10/2020 nhận 70.000.000 đồng (bút lụt 04). Xét thấy, tại Bản tự khai ngày 29/10/2020, biên bản làm việc ngày 29/10/2020 tại Tòa án nhân dân quận N, ông Nguyễn Đức H thừa nhận vào khoảng cuối năm 2019 có cho ông Nguyễn Văn Bò (là em họ xa của vợ ông H) mượn thẻ ATM để người khác chuyển tiền cho ông Bò, sau đó ông Bò rút tiền và trả thẻ ATM lại cho ông H. Tuy nhiên, việc ông H cho ông Bò mượn thẻ ATM và tài khoản ngân hàng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, việc ông H nhận số tiền 100.000.000 đồng từ công ty B chuyển vào tài khoản thẻ ATM là có thật nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B đối với ông H, buộc ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả lại cho công ty B số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,8%/tháng, tính từ ngày 23/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/6/2022) bằng 18.986.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 118.986.000 đồng (theo sự tự nguyện của nguyên đơn).

[6] Ông Nguyễn Đức H thừa nhận người rút số tiền 100.000.000 đồng từ thẻ ATM là ông Nguyễn Văn Bò nên ông H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết buộc ông Bò trả lại số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật trong vụ án khác.

[7] Công ty B thừa nhận ông Út Bò có vận chuyển 15 trụ điện đến nơi thực hiện hợp đồng với công ty B để D công theo yêu cầu của công ty B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không cung cấp được đầy đủ họ tên, địa chỉ của ông Út Bò để Tòa án làm việc và ông Út Bò không có yêu cầu độc lập đối với công ty B. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[8] Về án phí: Công ty B khởi kiện yêu cầu công ty E và ông Nguyễn Đức H cùng có nghĩa trả lại số tiền 100.000.000 đồng chỉ được Tòa án chấp nhận một phần nên công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bằng 300.000 đồng; ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả lại cho công ty B số tiền 118.986.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% x 118.986.000 đồng = 5.949.300 đồng; công ty B đã nộp tạm ứng án phí là 6.659.000 đồng tại Biên lai số 002911 ngày 05/8/2020 của Chi cục D hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng nêu trên; công ty B do ông Lộ Dếu C làm người đại diện hợp pháp được trả lại số tiền chênh lệch là 6.359.000 đồng.

[9] Như đã phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 398, 399, 401, 422, 428 của Bộ luật Dân sự; các điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B đối với công ty E về việc yêu cầu công ty E bồi thường Dệt hại số tiền 15.342.000 đồng và phạt hợp đồng với số tiền 150.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B yêu cầu công ty E trả lại số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B đối với ông Nguyễn Đức H. Buộc ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả lại cho công ty B do ông Lộ Dếu C làm người đại diện hợp pháp số tiền 118.986.000 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 18.986.000 đồng.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu D hành án của người được D hành án cho đến khi D hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải D hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải D hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc công ty B do ông Lộ Dếu C làm người đại diện hợp pháp theo pháp luật phải chịu số tiền là 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.659.000 đồng tại Biên lai số 002911 ngày 05/8/2020 của Chi cục D hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ; công ty B do ông Lộ Dếu C làm người đại diện hợp pháp được trả lại số tiền chênh lệch là 6.359.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Đức H phải chịu 5.949.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Trường hợp Bản án được D hành theo quy định tại Điều 2 Luật D hành án dân sự thì người được D hành án dân sự, người phải D hành án dân sự có quyền thỏa thuận D hành án, quyền yêu cầu D hành án, tự nguyện D hành án hoặc bị cưỡng chế D hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật D hành án dân sự; thời hiệu D hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật D hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Hoàng Tính